

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 36

9927
NG T
HIỆM H
KIỂM
ĐINH
T
VG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Đặng Hoàng Giang	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 28/06/2021
Ông Phan Như Long	Người đại diện HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/04/2021, Miễn nhiệm ngày 28/06/2021
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên	Miễn nhiệm chức Chủ tịch từ ngày 01/04/2021
Ông Đặng Quang Duy	Thành viên	
Ông Vladislav Savkins	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/07/2021
Ông Võ Văn Mai	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Nguyễn	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên	

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thị Xuân	Trưởng ban
Bà Lương Thị Hiền	Thành viên
Ông Phan Như Long	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2021
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/04/2021
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/04/2021
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Nguyễn Cao Đăng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/05/2021

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hải Đoàn - Tổng Giám đốc Công ty.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Các cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/03/2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành Báo cáo tài chính kèm theo.

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng giám đốc



Lê Hải Đoàn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT, được lập ngày 12/05/2022, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31/03/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ lưu ý tới người đọc Báo cáo tài chính này rằng, như trình bày tại thuyết minh VII.3, số liệu so sánh tại ngày 01/04/2021 trên Báo cáo tài chính đã được Công ty điều chỉnh hồi tố do phát hiện sai sót kế toán cần được điều chỉnh.



Vũ Thế Hùng
Tổng Giám đốc
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1604-2018-047-1
Thay mặt và đại diện

Phạm Thị Khánh Hòa
Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3399-2020-047-1

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	TM	MẪU SỐ B 01-DN	
			31/03/2022 VND	01/04/2021 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		434.239.545.490	472.231.138.874
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	71.085.372.700	162.809.733.361
1. Tiền	111		36.085.372.700	14.140.886.086
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	148.668.847.275
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		77.760.701.602	10.088.660.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.03	69.311.477.193	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(6.925.679.521)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	15.374.903.930	10.088.660.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.211.401.971	197.564.238.975
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.05	71.275.557.051	136.169.767.220
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	132	V.15	10.382.310.177	22.274.379.751
3. xây dựng	134	V.08	34.079.244.428	34.079.244.428
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	20.072.949.867	11.590.756.453
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(4.598.659.552)	(6.549.908.877)
IV- Hàng tồn kho	140	V.09	76.973.436.588	29.495.530.758
1. Hàng tồn kho	141		99.391.473.139	51.913.567.309
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.418.036.551)	(22.418.036.551)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		77.208.632.629	72.272.975.780
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	1.149.281.668	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.105.973.258	272.975.780
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	953.377.703	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.14	72.000.000.000	72.000.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		113.088.560.855	42.235.555.869
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		56.250.000	56.250.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	56.250.000	56.250.000
II- Tài sản cố định	220		84.618.104	273.947.420
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	84.618.104	273.947.420
- Nguyên giá	222		10.446.501.953	18.335.998.041
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.361.883.849)	(18.062.050.621)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		189.800.000	2.970.972.284
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(189.800.000)	(2.970.972.284)
III- Bất động sản đầu tư	230		15.680.620.000	15.680.620.000
1. Nguyên giá	231	V.12	15.680.620.000	15.680.620.000
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	96.884.995.043	25.742.438.954
1. Đầu tư vào công ty con	251		33.293.570.000	37.293.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		76.605.026.880	7.800.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.862.464.944	16.862.464.944
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.876.066.781)	(36.213.595.990)
VI- Tài sản dài hạn khác	260		382.077.708	482.299.495
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	382.077.708	482.299.495
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		547.328.106.345	514.466.694.743

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/03/2022 VND	01/04/2021 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		217.214.074.569	206.480.966.070
I- Nợ ngắn hạn	310		216.714.074.569	205.980.966.070
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	66.661.433.992	73.176.122.159
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.05	40.422.534.190	20.243.879.386
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	89.464.845	4.007.211.993
4. Phải trả người lao động	314		9.857.523.709	7.093.100.979
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	769.772.772	882.524.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	5.984.189.886	789.682.500
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	81.729.155.175	88.588.445.053
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	11.200.000.000	11.200.000.000
II- Nợ dài hạn	330		500.000.000	500.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	500.000.000	500.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		330.114.031.776	307.985.728.673
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.21	330.114.031.776	307.985.728.673
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		97.570.067.828	116.974.517.100
3. Cổ phiếu quỹ	415		-	(38.762.556.372)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.953.663.948	4.183.467.945
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.183.467.945	(559.020.870)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.770.196.003	4.742.488.815
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		547.328.106.345	514.466.694.743

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Thảo

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

MẪU SỐ B 02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	422.615.097.903	640.492.735.082
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	124.128.436
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		422.615.097.903	640.368.606.646
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	378.734.839.512	637.467.189.821
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		43.880.258.391	2.901.416.825
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	21.736.140.079	8.902.422.487
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.812.019.245	(2.698.107.186)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	160.704.813
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	30.558.305.802	37.347.720.278
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	18.575.706.930	16.300.810.982
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(329.633.507)	(39.146.584.762)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.246.548.057	55.799.322.011
12. Chi phí khác	32	VI.7	146.718.547	419.058.110
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		3.099.829.510	55.380.263.901
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.770.196.003	16.233.679.139
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	11.491.190.324
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.770.196.003	4.742.488.815

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Phương Thảo

Trần Thị Phương Thảo

Lê Hải Đoàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

MẪU SỐ B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.770.196.003	16.233.679.139
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	79.810.348	789.113.657
- Các khoản dự phòng	03	(592.972.947)	31.340.607.998
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(22.814.973)	(235.317.098)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.448.042.741)	(59.816.334.786)
- Chi phí lãi vay	06	-	160.704.813
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.213.824.310)	(11.527.546.277)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	77.825.297.514	(14.058.282.285)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(47.477.905.830)	12.253.679.060
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.700.613.248	5.102.980.371
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.049.059.881)	(18.417.934)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(69.311.477.193)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(160.704.813)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(818.125.649)	(12.996.167.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(33.344.482.101)	(21.404.459.841)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(86.301.636)	(33.981.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	250.000.000	67.243.764.906
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.286.243.930)	(10.000.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(84.805.026.880)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.393.863.345	7.835.494.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(77.533.709.101)	65.045.278.377

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022

MẪU SỐ B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay VND	Năm trước VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		19.358.107.100	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	29.568.974.253
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(29.568.974.253)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(149.379.100)	(24.616.570.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>19.208.728.000</i>	<i>(24.616.570.800)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(91.669.463.202)	19.024.247.736
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	162.809.733.361	143.784.737.167
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(54.897.459)	748.458
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	71.085.372.700	162.809.733.361

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Phương Thảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Thảo

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT, tên viết tắt là HIPT GROUP., JSC được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100364579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 12/04/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 12/04/2021 là 225.590.300.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm tỷ, năm trăm chín mươi triệu, ba trăm nghìn đồng./*) chia thành 22.559.030 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 24/06/2009 Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCOM với mã chứng khoán HIG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 là: 84 người (Tại ngày 01 tháng 04 năm 2021 là: 98 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Chi nhánh	Địa chỉ		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (TP Hà Nội)	05 Nguyễn Gia Thiều, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM		
Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội (1)	Hà Nội, Việt Nam	78%	78%
Công ty Cổ phần HIPT	Hà Nội, Việt Nam	64%	76,19%

(1) Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin về Công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội (2)	Hà Nội, Việt Nam	25%	71,43%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	35%	98,04%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%
Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Trung Ương 6	Hà Nội, Việt Nam	36%	36%
Công ty Cổ phần Đầu tư-Xây dựng công trình văn hóa và đô thị	Hà Nội, Việt Nam	30%	30%

(2) Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế.

Tên công ty liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
Thời báo Doanh nhân (3)	Hà Nội, Việt Nam	50%	64,27%

(3) Công ty đang trong giai đoạn tạm nghỉ kinh doanh có thời hạn.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm trước và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 dương lịch năm sau.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh và được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc hàng tồn kho. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm sử dụng ước tính</u>
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá theo thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của Bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Một khoản đầu tư được coi là nắm quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thỏa thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hay một thỏa thuận;
- Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên hoặc bộ phận quản lý tương đương tại Công ty con.

Góp vốn liên doanh

Công ty liên doanh: Là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của Công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư tài chính được trình bày trong theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi các khoản dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có). Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn sử dụng trên một năm. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại cổ phiếu do công ty phát hành. Khi lập báo cáo tài chính, giá trị thực tế của cổ phiếu quỹ được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thanh lý nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán từ tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí dự phòng, lỗ thanh lý các khoản đầu tư, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ không

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính sẽ được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo bộ phận

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty chủ yếu hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin tại một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết, Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/03/2022	01/04/2021
	VND	VND
Tiền mặt	281.909.575	22.304.289
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.803.463.125	14.118.581.797
Các khoản tương đương tiền (*)	35.000.000.000	148.668.847.275
Cộng	71.085.372.700	162.809.733.361

(*) Là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 01 tháng kể từ thời điểm gửi tiền.

2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/03/2022		01/04/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	15.374.903.930	15.374.903.930	10.088.660.000	10.088.660.000
Cộng	15.374.903.930	15.374.903.930	10.088.660.000	10.088.660.000

(*) Trong đó:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng (quay vòng kỳ hạn) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô (BIDV) có tổng giá trị tại ngày 31/03/2022 là 10.000.000.000 VND đang được sử dụng làm tài sản cầm cố cho hợp đồng tín dụng số 01/2019/495/HĐTDHM ngày 17/12/2019 theo hợp đồng cầm cố tài sản số 01/2020/495/HĐBĐ ngày 03/04/2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô.

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng (quay vòng kỳ hạn) tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm- PDG Hồ Gươm có tổng giá trị tại ngày 31/03/2022 là 5.286.243.930 VND đang được sử dụng làm tài sản cầm cố cho hợp đồng tín dụng số 04032022/HDTD/HGM/1528888801 theo hợp đồng cầm cố tài sản số 03/2022/HDBD/HGM ngày 04/03/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm- PDG Hồ Gươm.

- Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Liên Việt Post Bank có kì hạn 1 năm số tiền 88.660.000 VND, lãi suất 6,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****3. Chứng khoán kinh doanh**

	31/03/2022	01/04/2021
	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng
	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu		
CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - NT2	15.751.451.212	-
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex - PGI	12.946.199.530	(895.199.530)
CTCP Công nghệ Sao Bắc Đẩu - SBD	7.558.120.000	(2.051.020.000)
CTCP Xây dựng Số 1 - VC1	13.050.212.606	(1.550.212.606)
Các khoản đầu tư khác	20.005.493.845	(2.429.247.385)
Cộng	69.311.477.193	(6.925.679.521)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/03/2022		01/04/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	33.293.570.000	(16.699.389.501)	37.293.570.000	(22.915.972.976)
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT (HIPT Invest)	-	-	10.000.000.000	(3.326.222.735)
Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software)	15.000.000.000	(14.405.819.501)	10.000.000.000	(6.917.265.817)
Công ty TNHH Giải pháp và tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	-	-	5.000.000.000	(378.914.424)
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội	2.293.570.000	(2.293.570.000)	2.293.570.000	(2.293.570.000)
Công ty Cổ phần HIPT	16.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN)	-	-	10.000.000.000	(10.000.000.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	76.605.026.880	(7.000.000.000)	7.800.000.000	(7.000.000.000)
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	2.500.000.000	(2.500.000.000)	2.500.000.000	(2.500.000.000)
Công ty CP Đầu tư-Xây dựng công trình văn hóa và đô thị	15.900.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng Không Việt Nam	2.500.000.000	(2.500.000.000)	2.500.000.000	(2.500.000.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	800.000.000	-	800.000.000	-
Thời báo Doanh nhân	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Công Ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Trung Ương 6	52.905.026.880	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	16.862.464.944	(6.176.677.280)	16.862.464.944	(6.297.623.014)
Công ty Cổ phần Dịch vụ nền di động Việt Nam	7.764.044.944	(6.176.677.280)	7.764.044.944	(6.297.623.014)
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	9.098.420.000	-	9.098.420.000	-
Tổng	126.761.061.824	(29.876.066.781)	61.956.034.944	(36.213.595.990)

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì không có giá giao dịch trên thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Công nợ với khách hàng

	31/03/2022	01/04/2021
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Khách hàng là bên liên quan	-	740.774.085
Công ty Cổ phần Đội công nghệ 3D Hà Nội (Công ty liên kết)	-	663.440.565
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt (Công ty liên kết)	-	77.333.520
- Khách hàng không là bên liên quan	71.275.557.051	135.428.993.135
Nguyễn Thị Mậu	4.100.000.000	-
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	11.305.228.000	4.123.801.000
Công ty TNHH BV ĐKTN An sinh -Phúc Trường Minh	3.783.795.192	10.169.614.245
Công ty TNHH MTV TM Công nghệ Hùng Phương	2.001.468.800	2.001.468.800
Công ty CP Viễn thông di động Vietnamobile	242.562.500	8.044.246.000
Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC)	-	17.810.410.000
Sở thông tin truyền thông Trà Vinh	4.737.608.731	
Công ty TNHH MAT Việt Nam	4.039.200.000	49.850.000
Công ty CP Tập đoàn Công nghệ Thăng Long	7.519.105.446	-
Cục công nghệ thông tin - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	4.497.038.333
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV)	3.796.522.400	49.576.200.000
Các khách hàng khác	29.750.065.982	39.156.364.757
Cộng	<u>71.275.557.051</u>	<u>136.169.767.220</u>
b) Khách hàng trả trước ngắn hạn		
- Khách hàng không là bên liên quan	40.422.534.190	20.243.879.386
Ngân hàng Chính sách Xã hội	987.061.666	2.058.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK)	6.727.192.580	-
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP (PLC)	4.352.700.000	-
Công ty TNHH Katalon	3.532.208.700	-
Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn	4.885.799.520	-
Công ty CP Giải pháp thanh toán Việt Nam (VNPAY)	990.967.164	3.715.247.400
Trường Đại học Bách khoa	-	3.593.748.672
Các khách hàng khác	18.946.604.560	10.876.883.314
Cộng	<u>40.422.534.190</u>	<u>20.243.879.386</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Các khoản phải thu khác

	31/03/2022	01/04/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	20.072.949.867	11.590.756.453
<i>Phải thu khác là bên liên quan</i>	<i>5.321.901.418</i>	<i>1.069.481.991</i>
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (Công ty con)	-	1.067.281.991
Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software) (Công ty con)	5.319.701.418	-
Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT (Đồng sáng lập)	2.200.000	2.200.000
<i>Phải thu khác không phải là bên liên quan</i>	<i>14.751.048.449</i>	<i>10.521.274.462</i>
Phạm Việt Giang	4.045.633.000	4.045.633.000
Liên doanh HIPT-ZODIAC-ONENET	556.306.038	556.306.038
Tạm ứng	7.371.616.832	1.657.777.897
Ký cược, ký quỹ	1.499.591.450	3.267.613.461
Các cá nhân góp vốn đầu tư XDCB - Võ Văn Mai phụ trách	664.650.871	-
Phải thu khác	613.250.258	993.944.066
b) Dài hạn	56.250.000	56.250.000
Ký cược, ký quỹ	56.250.000	56.250.000
Cộng	20.129.199.867	11.647.006.453

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/03/2022		01/04/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	4.598.659.552	(4.598.659.552)	6.610.647.297	(6.549.908.877)
<i>Nợ phải thu khách hàng quá hạn</i>	<i>525.144.840</i>	<i>(525.144.840)</i>	<i>1.497.732.306</i>	<i>(1.436.993.886)</i>
Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội - Bên liên quan (Công ty liên kết)	-	-	663.440.566	(663.440.566)
Công ty CP dịch vụ kỹ nghệ Hàng không Việt - Bên liên quan (Công ty liên kết)	-	-	77.333.520	(77.333.520)
Thanh tra TP Hồ Chí Minh VP UBND Quận Bình	-	-	3.658.380	(3.658.380)
Công ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC	525.144.840	(525.144.840)	525.144.840	(525.144.840)
TT công nghệ Phần Mềm và GIS	-	-	202.461.400	(141.722.980)
<i>Các khoản phải thu khác quá hạn</i>	<i>4.073.514.712</i>	<i>(4.073.514.712)</i>	<i>5.112.914.991</i>	<i>(5.112.914.991)</i>
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT - Bên liên quan (Công ty con)	-	-	1.067.281.991	(1.067.281.991)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group	27.881.712	(27.881.712)	-	-
Phạm Việt Giang	4.045.633.000	(4.045.633.000)	4.045.633.000	(4.045.633.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng dịch vụ

	31/03/2022	01/04/2021
	VND	VND
Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	34.079.244.428	34.079.244.428
Cộng	34.079.244.428	34.079.244.428

9. Hàng tồn kho

	31/03/2022		01/04/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	89.116.862.362	(22.418.036.551)	37.041.864.276	(22.418.036.551)
Hàng hóa	10.274.610.777	-	14.871.703.033	-
Cộng	99.391.473.139	(22.418.036.551)	51.913.567.309	(22.418.036.551)

10. Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị: VND</i>			
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/04/2021	160.000.000	848.270.909	17.327.727.132	18.335.998.041
Tăng trong năm	54.038.000	-	32.263.636	86.301.636
Mua trong năm	54.038.000	-	32.263.636	86.301.636
Giảm trong năm	160.000.000	848.270.909	6.967.526.815	7.975.797.724
Thanh lý, nhượng bán	160.000.000	848.270.909	6.967.526.815	7.975.797.724
Số dư tại 31/03/2022	54.038.000	-	10.392.463.953	10.446.501.953
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/04/2021	160.000.000	599.433.375	17.302.617.246	18.062.050.621
Tăng trong năm	8.376.859	53.016.930	18.416.559	79.810.348
Khấu hao trong năm	8.376.859	53.016.930	18.416.559	79.810.348
Giảm trong năm	160.000.000	652.450.305	6.967.526.815	7.779.977.120
Thanh lý, nhượng bán	160.000.000	652.450.305	6.967.526.815	7.779.977.120
Số dư tại 31/03/2022	8.376.859	-	10.353.506.990	10.361.883.849
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/04/2021	-	248.837.534	25.109.886	273.947.420
Tại 31/03/2022	45.661.141	-	38.956.963	84.618.104

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/03/2022 là 10.326.218.818 VND, tại ngày 01/04/2021 là: 17.258.729.993 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/04/2021	2.970.972.284	2.970.972.284
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	2.781.172.284	2.781.172.284
Thanh lý, nhượng bán	2.781.172.284	2.781.172.284
Số dư tại 31/03/2022	189.800.000	189.800.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/04/2021	2.970.972.284	2.970.972.284
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	2.781.172.284	2.781.172.284
Thanh lý, nhượng bán	2.781.172.284	2.781.172.284
Số dư tại 31/03/2022	189.800.000	189.800.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/04/2021	-	-
Tại 31/03/2022	-	-

12. Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá

Đơn vị: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	15.680.620.000			15.680.620.000
Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
Giá trị hao mòn lũy kế				-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại				15.680.620.000
Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000

13. Chi phí trả trước

	31/03/2022 VND	01/04/2021 VND
a) Ngắn hạn	1.149.281.668	-
Chi phí thuê văn phòng	1.109.566.667	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	39.715.001	-
b) Dài hạn	382.077.708	482.299.495
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	382.077.708	365.865.512
Phần mềm	-	54.511.804
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	61.922.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt.

Tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 31/03/2022, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty vẫn ghi nhận giá gốc khoản đầu tư vào mục “Tài sản ngắn hạn khác” với số tiền 72.000.000.000 VND và ghi nhận tương ứng số tiền đã nhận được từ bên thứ ba vào khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác” được trình bày tại Thuyết minh V.19.

15. Công nợ với nhà cung cấp

	31/03/2022	01/04/2021
	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
- Nhà cung cấp là bên liên quan	-	97.402.870
Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software) (Công ty con)	-	97.402.870
- Nhà cung cấp không phải là bên liên quan	66.661.433.992	73.078.719.289
BTG Asia Co., Limited (tương đương 344.734,11 USD)	7.921.886.208	4.205.902.780
Golden Hawk Information Technology Limited (tương đương 44.523,11 USD)	1.023.141.068	18.070.063.326
M-Security Technology Indochina PTE.LTD (tương đương 271.472,88 USD)	6.238.446.782	58.780.647
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG	7.103.974.075	274.783.350
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật HDL	-	2.763.803.064
Chi nhánh công ty CP Công nghệ Mạng và Truyền thông (INFONET)	4.520.670.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Tân Thành An	1.164.848.132	1.164.848.132
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Công nghệ Việt	-	5.107.843.663
Công ty TNHH Công nghệ VETAMI	-	8.042.309.550
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	-	5.040.000.000
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không (AITS)	7.229.913.540	-
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Đông Á	5.045.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	26.413.554.187	28.350.384.777
Cộng	66.661.433.992	73.176.122.159
b) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Nhà cung cấp không phải là bên liên quan	10.382.310.177	22.274.379.751
Công ty TNHH Công nghệ Đông Ngân	-	3.414.062.000
Công ty TNHH Đầu tư Bắc Vương	2.563.099.000	9.886.239.000
Công ty CP TM và DV kỹ thuật SVC	2.242.836.780	-
Các nhà cung cấp khác	5.576.374.397	8.974.078.751
Cộng	10.382.310.177	22.274.379.751

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đầu năm
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	-	40.391.855.112	43.380.922.547	2.989.067.435
Thuế TNDN	-	-	818.125.649	818.125.649
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	15.038.330	15.038.330	-
Thuế, phí khác	89.464.845	2.789.268.701	2.699.803.856	-
Cộng	89.464.845	43.196.162.143	46.913.890.382	3.807.193.084
b) Phải thu				
Thuế TNCN (*)	953.377.703	3.672.109.470	2.518.712.858	(200.018.909)
Cộng	953.377.703	3.672.109.470	2.518.712.858	(200.018.909)

(*) Số dư thuế TNCN đầu năm được trình bày trên chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2022 VND	01/04/2021 VND
Trích trước giá vốn HĐH Oracle từ Tech Data theo HĐ 026720HN/HĐMB/KD - HĐ 2004/2020/AITS	-	178.824.000
Trích trước chi phí bảo hành theo HĐ số 16/2021/HĐKT/HIPT/itSS (HĐ 28/2017/BQL KTNN)	-	703.700.000
Trích trước chi phí thuê xe theo hợp đồng thuê xe số 41/2021/HĐKT	300.000.000	-
Trích trước bổ sung giá vốn hợp đồng số 551/2021/IT-MSB-HIPT	357.000.000	-
Trích trước phí kiểm toán năm 2021	100.000.000	-
Chi phí phải trả khác	12.772.772	-
Cộng	769.772.772	882.524.000

18. Doanh thu chưa thực hiện

	31/03/2022 VND	01/04/2021 VND
Doanh thu từ bảo hành, bảo trì	5.984.189.886	789.682.500
Cộng	5.984.189.886	789.682.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. Các khoản phải trả khác

	31/03/2022	01/04/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Phải trả khác là bên liên quan</i>	-	6.442.011.119
Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư HIPT (Công ty con)	-	6.442.011.119
<i>Phải trả khác không phải là bên liên quan</i>	81.729.155.175	82.146.433.934
Khoản phải nộp liên quan đến việc hủy bỏ đề án 112 - Ban điều hành Đề án 112 Chính Phủ	2.656.280.900	2.656.280.900
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn công nghệ HIPT	4.304.073.727	4.304.073.727
Tạm ứng mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh V.14)	72.000.000.000	72.000.000.000
Kinh phí công đoàn	162.344.052	154.196.647
Bảo hiểm xã hội	47.677.900	21.252.000
Bảo hiểm thất nghiệp	1.616.200	1.416.800
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	304.904.075	454.283.175
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.252.258.321	2.554.930.685
Cộng	81.729.155.175	88.588.445.053
b) Dài hạn		
Các cá nhân ủy thác đầu tư dài hạn	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/03/2022	01/04/2021
	VND	VND
Trích lập dự phòng phải trả	11.200.000.000	11.200.000.000
Cộng	11.200.000.000	11.200.000.000

Là khoản dự phòng phải trả chi phí bản quyền Oracle giá trị 9.600.000.000 VND và khoản chi phí nhân sự dự kiến phát sinh thêm tới khi kết thúc Hợp đồng 10-10/2014/HĐPM ký với Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	19.628.990.984	4.555.012.545	327.986.264.257
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.742.488.815	4.742.488.815
Chuyển Quỹ đầu tư phát triển về Lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	(19.628.990.984)	19.628.990.984	-
Tạm chia cổ tức	-	-	-	-	(24.743.024.399)	(24.743.024.399)
Số dư cuối năm trước	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	-	4.183.467.945	307.985.728.673
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	2.770.196.003	2.770.196.003
Bán cổ phiếu quỹ năm nay (*)	-	-	38.762.556.372	-	-	38.762.556.372
Lỗ từ bán cổ phiếu quỹ	-	(19.404.449.272)	-	-	-	(19.404.449.272)
Số dư cuối năm nay	225.590.300.000	97.570.067.828	-	-	6.953.663.948	330.114.031.776

Đơn vị: VND

(*) Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 02-21/NQ/ĐHĐCĐ/HIPT ngày 25/09/2021 về việc bán 1.939.843 cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	225.590.300.000	225.590.300.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	225.590.300.000	225.590.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	24.743.024.399

c) Cổ phiếu

	31/03/2022 Cổ phiếu	01/04/2021 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.559.030	22.559.030
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1.939.843
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	1.939.843
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.559.030	20.619.187
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.559.030	20.619.187

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/03/2022	01/04/2021
a) Ngoại tệ các loại		
- USD	121.931,25	14.211,97
- EUR	4.438,77	2.747,79
	31/03/2022	01/04/2021
	VND	VND
b) Nợ khó đòi đã xử lý	23.529.523.707	22.759.397.641
Phải thu Công ty Cho thuê tài chính BIDV	221.726.000	221.726.000
Phải thu ông Trần Phúc Toàn	148.500.000	148.500.000
Phải thu Văn phòng Nokia Hà Nội	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	20.991.178.683	20.991.178.683
Công ty Cổ phần Đội công nghệ 3D Hà Nội (Công ty liên kết)	663.440.566	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt (Công ty liên kết)	77.333.520	-
Thanh tra TP Hồ Chí Minh	3.658.380	-
VP UBND quận Bình Thạnh	25.693.600	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.310.284.298	1.310.284.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu từ bán hàng hóa	258.143.063.638	417.002.912.291
Doanh thu từ dịch vụ, phần mềm, chương trình	163.470.170.143	222.567.486.346
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.001.864.122	922.336.445
Cộng	422.615.097.903	640.492.735.082

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	-	124.128.436
Cộng	-	124.128.436

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	370.909.241.019	386.681.650.753
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.825.598.493	228.367.502.517
Dự phòng Giảm giá hàng tồn kho	-	22.418.036.551
Cộng	378.734.839.512	637.467.189.821

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi tiết kiệm, lãi cho vay	3.351.970.884	7.210.719.893
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.041.892.461	624.775.078
Lãi từ bán chứng khoán	14.403.987.770	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	904.751.932	831.610.418
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	22.814.973	235.317.098
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.722.059	-
Cộng	21.736.140.079	8.902.422.487

5. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	-	160.704.813
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	16.000.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	188.534.964	49.044.970
Dự phòng giảm giá đầu tư	588.150.312	(2.907.983.632)
Chi phí tài chính khác	35.333.969	126.663
Cộng	16.812.019.245	(2.698.107.186)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	54.179.396	51.980.839.815
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	250.000.000	-
- Giá trị còn lại của TSCĐ, chi phí thanh lý TSCĐ	(195.820.604)	-
Tiền được thưởng, được bồi thường	2.936.960.442	2.879.704.464
Lãi từ thanh lý công cụ dụng cụ	3.290.000	-
Các khoản được bồi thường do vi phạm hợp đồng	5.778.432	-
Các khoản khác	246.339.787	938.777.732
Cộng	3.246.548.057	55.799.322.011

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền phạt vi phạm hành chính	15.166.901	3.627.621
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	11.379.200	415.361.149
Các khoản khác	120.172.446	69.340
Cộng	146.718.547	419.058.110

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
a) Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	25.207.406.796	25.692.158.268
Chi phí bảo hành	121.468.740	-
Chi phí khấu hao, công cụ dụng cụ	335.344.794	15.512.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.164.230.054	3.361.142.542
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.729.855.418	8.278.906.982
Cộng	30.558.305.802	37.347.720.278
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	9.596.307.147	6.507.150.637
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.181.123.259)	1.734.149.811
Chi phí khấu hao, công cụ dụng cụ	187.104.044	773.601.171
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.491.053.124	5.200.668.972
Các khoản chi phí QLDN khác	482.365.874	2.085.240.391
Cộng	18.575.706.930	16.300.810.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	2.770.196.003	16.233.679.139
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	(3.096.789.920)	(625.523.536)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản tiền gửi và phải thu cuối kỳ</i>	<i>(54.897.459)</i>	<i>(748.458)</i>
<i>Thu nhập được miễn thuế</i>	<i>(3.041.892.461)</i>	<i>(624.775.078)</i>
Cộng:	748.458	41.847.796.018
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>-</i>	<i>41.094.971.010</i>
<i>Lãi do chênh lệch tỷ giá cuối kỳ năm trước</i>	<i>748.458</i>	<i>5.545.547</i>
<i>Lãi do chênh lệch tỷ giá cuối kỳ năm 2017</i>	<i>-</i>	<i>747.279.461</i>
Thu nhập chịu thuế	(325.845.459)	57.455.951.621
<i>Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>-</i>	<i>51.980.839.815</i>
<i>Thuế suất</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	10.396.167.963
Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	-	5.475.111.806
<i>Thuế suất</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	-	1.095.022.361
Thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành	-	11.491.190.324

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trong báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
			VND
Công ty CP Đội công nghệ 3D Hà Nội (3D-Brigade)	Công ty liên kết	Nợ khó đòi đã xử lý	663.440.566
Công ty CP dịch vụ kỹ nghệ Hàng không Việt	Công ty liên kết	Nợ khó đòi đã xử lý	77.333.520
Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software)	Công ty con	Tạm ứng chi hoạt động	21.407.104.288
Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software)	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.087.402.870
Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	38.000.000.000
Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Hoàn ứng	37.959.955.058
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng giám đốc	Tạm ứng	30.000.000
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng giám đốc	Hoàn ứng	30.000.000
Ông Phạm Việt Giang	Tổng giám đốc (cũ)	Tạm ứng	4.045.633.000
Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Thu nhập trong năm và thưởng do đầu tư chứng khoán	5.228.182.523
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng giám đốc	Thu nhập trong năm	832.040.000
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng giám đốc	Thu nhập trong năm	1.783.040.000
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Thu nhập trong năm	2.120.440.000
Ông Đặng Quang Duy	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	16.727.273
Ông Vladislav Savkins	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	27.909.091
Ông Võ Văn Mai	Thành viên HĐQT	Thu nhập trong năm và Thù lao HĐQT	24.000.000
Ông Nguyễn Duy Nguyên	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	16.727.273
Ông Đặng Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	36.000.000
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	42.636.364
Bà Nguyễn Thị Xuân	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát	51.000.000
Bà Lương Thị Hiền	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát	16.727.273
Ông Phan Như Long	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát	47.909.091
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát	6.454.545

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 31/03/2022, Công ty có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư
			VND
Ban Giám đốc	Ban Giám đốc	Thu nhập còn phải trả	4.676.259.493
Hội đồng quản trị	HĐQT	Thu nhập còn phải trả	14.000.000
Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	Thu nhập còn phải trả	4.000.000
Chi tiết			
Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Số dư khoản tạm ứng	40.044.942
Ông Phạm Việt Giang	Tổng giám đốc (cũ)	Số dư khoản tạm ứng	4.045.633.000
Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Thu nhập và thưởng chưa trả	4.539.219.493
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng giám đốc	Thu nhập còn phải trả	45.680.000
Ông Trương Phúc Giang	Phó Tổng giám đốc	Thu nhập còn phải trả	45.680.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số dư VND
Ông Trần Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	Thu nhập còn phải trả	45.680.000
Ông Đặng Quang Duy	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT còn phải trả	2.000.000
Ông Võ Văn Mai	Thành viên HĐQT	Thu nhập trong năm và Thù lao HĐQT còn phải trả	2.000.000
Ông Nguyễn Duy Nguyên	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT còn phải trả	2.000.000
Ông Đặng Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT còn phải trả	3.000.000
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT còn phải trả	2.000.000
Bà Nguyễn Thị Xuân	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát còn phải trả	3.000.000
Bà Lương Thị Hiền	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát còn phải trả	2.000.000
Ông Phan Như Long	Ban Kiểm soát	Thù lao Ban kiểm soát còn phải trả	2.000.000

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Số liệu so sánh này đã được điều chỉnh hồi tố do phát hiện sai sót, nội dung điều chỉnh: Ghi giảm giá vốn đã trích trước, trích bổ sung chi phí và ghi nhận bổ sung chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tương ứng.

Chi tiết các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh hồi tố như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	01/04/2021	01/04/2021	Số điều chỉnh VND
		VND Trước hồi tố	VND Sau hồi tố	
Bảng Cân đối kế toán				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.199.211.993	4.007.211.993	808.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.922.524.000	882.524.000	(4.040.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	951.467.945	4.183.467.945	3.232.000.000
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>1.510.488.815</i>	<i>4.742.488.815</i>	<i>3.232.000.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/04/2020	Từ 01/04/2020	Số điều chỉnh VND
		đến 31/03/2021	đến 31/03/2021	
		VND Trước hồi tố	VND Sau hồi tố	
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	641.507.189.821	637.467.189.821	(4.040.000.000)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(1.138.583.175)	2.901.416.825	4.040.000.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(43.186.584.762)	(39.146.584.762)	4.040.000.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	12.193.679.139	16.233.679.139	4.040.000.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10.683.190.324	11.491.190.324	808.000.000
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.510.488.815	4.742.488.815	3.232.000.000
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	12.193.679.139	16.233.679.139	4.040.000.000
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9.142.980.371	5.102.980.371	(4.040.000.000)

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

5. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Phương Thảo

Trần Thị Phương Thảo

Lê Hải Đoàn